

Số: 262/TB-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 12 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về chi trả tiền miễn giảm học phí cho sinh viên Đại học chính quy K10, K11
học kỳ II năm học 2024 - 2025, K12 năm học 2024 – 2025**

Thực hiện chủ trương của nhà trường về chi trả tiền miễn giảm học phí cho sinh viên Đại học chính quy K10, K11 học kỳ II năm học 2024 -2025, K12 năm học 2024 – 2025 theo QĐ số 180 ngày 28/4/2025.

1. Ngày 09/5/2025 nhà trường đã chuyển khoản tiền miễn giảm học phí vào tài khoản sinh viên được nhà trường cấp theo thẻ sinh viên, Sinh viên nào chưa nhận được tiền miễn giảm thì báo về phòng Tài chính kế toán Cô: Lê Thị Nga (SĐT: 0982 762 825);

Danh sách sinh viên nhận tiền miễn giảm học phí, phụ lục kèm theo thông báo này.

2. Phòng Công tác sinh viên, Cố vấn học tập, ban cán sự các lớp thông báo cho sinh viên lớp mình biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- BGH; HĐT;
- Như mục 2;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, TCKT.

**TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PTP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**



ThS. Phạm Văn Hưng

Phụ lục

**DANH SÁCH SINH VIÊN K10, K11 ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025. K12 NĂM HỌC 2024 -2025**

(Kèm theo Thông báo số 262/TB-ĐHTCQTKD ngày 12 tháng 5 năm 2025
của trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền MG)	Ghi chú
1	1001020141	Ngô Thu Hương	12/03/2003	KD10C	4,080,000	
2	1001021560	Nguyễn Thủy Phương	07/08/2004	KD10E	8,568,000	
3	1101020932	Đinh Thị Châm	25/11/2005	KD11G	9,792,000	
4	1101020190	Vũ Thị Nguyệt Minh	10/11/2005	KD11D	9,792,000	
5	1101020706	Cầm Văn Thủ	25/01/2005	KD11C	9,792,000	
6	1101020139	Hoàng Thị Lệ	21/01/2005	KD11G	6,854,400	
7	1101020511	Lộc Thành Đạt	13/09/2005	KD11D	6,854,400	
8	1101020317	Tô Anh Tuấn	23/04/2004	KD11C	6,854,400	
9	1101070430	Nguyễn Phan Hải Đăng	30/07/2005	KL11A	4,896,000	
10	1001030743	Bùi Thị Hải Yến	28/01/2004	QT10A	8,976,000	
11	1001030466	Đỗ Phương Anh	24/11/2004	QT10B	8,976,000	
12	1001010869	Hoàng Thị Minh Thu	25/09/2004	NH10A	6,283,200	
13	1001031636	Hà Trung Hiếu	28/11/2004	QM10A	6,283,200	
14	1101030564	Lê Mai Hương	08/11/2005	QT11B	9,792,000	
15	1101011284	Hoàng Thị Lam	21/02/2005	NH11A	6,283,200	
16	1101010774	Phạm Hoàng Phương Anh	28/11/2004	TC11A	6,283,200	
17	1101030629	Lương Thị Mừng	18/01/2004	QT11B	6,854,400	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền MG)	Ghi chú
18	1201030843	Hà Thu Hoài	27/09/2006	QT 12A	15,504,000	
19	1201070631	Hoàng Thị Linh Chiên	06/03/2006	QL12A	10,852,800	
20	1201011588	Hoàng Thị Huệ	21/06/2006	TC12A	10,852,800	
21	1201011357	Đồng Minh Nguyên	06/06/2006	NH12A	15,504,000	
22	1201011266	Vũ Đức Hoàng	09/10/2006	NH12A	15,504,000	
23	1201011360	Nguyễn Thảo Nguyên	30/01/2006	TC12B	7,752,000	
24	1201011630	Lưu Quỳnh Trâm	16/07/2006	TC12A	15,504,000	
25	1201021505	Nguyễn Như Quỳnh	09/01/2006	KD12E	15,504,000	
26	1201020110	Tăng Yến Chi	19/10/2006	KD12B	15,504,000	
27	1201020320	Trịnh Minh Ngọc	28/12/2006	KD12E	7,752,000	
28	1201030811	Hoàng Thị Ngọc Hà	21/11/2006	QM12B	10,852,800	
29	1201031574	Đào Thanh Trà	23/11/2006	QT12B	15,504,000	
30	1201011280	Nông Thái Huy	20/10/2006	NH12B	10,852,800	
31	1201011258	Nông Trung Hiếu	26/07/2006	NH12B	13,545,600	
32	1201020221	Hoàng Thị Khuê	13/01/2005	KD12E	15,504,000	
Tổng					323,707,200	